

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố danh mục thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính bị bãi bỏ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Cao Bằng

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 4098/QĐ-BKHCN ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc công bố thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ (Lĩnh vực: Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng);

Căn cứ Quyết định số 1573/QĐ-BKHCN ngày 08 tháng 6 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính được thay thế thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ (Lĩnh vực: Hoạt động khoa học và công nghệ);

Căn cứ Quyết định số 1662/QĐ-BKHCN ngày 15 tháng 6 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành/thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực tiêu chuẩn đo lường chất lượng và thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Quyết định số 1667/QĐ-BKHCN ngày 18 tháng 6 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc công bố thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực khoa học và công nghệ thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Quyết định số 2138/QĐ-BKHCN ngày 01 tháng 8 năm 2018 của

Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực tiêu chuẩn đo lường, chất lượng thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Quyết định số 2306/QĐ-BKHHCN ngày 16 tháng 8 năm 2018 của Bộ trưởng, Bộ Khoa học và Công nghệ về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực sở hữu trí tuệ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Quyết định số 2405/QĐ-BKHHCN ngày 24 tháng 8 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành trong lĩnh vực hoạt động khoa học và công nghệ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính bị bãi bỏ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Cao Bằng (Có Danh mục thủ tục hành chính kèm theo).

Nội dung các bộ phận cơ bản của thủ tục hành chính không nêu trong quyết định này thực hiện theo các Quyết định công bố thủ tục hành chính của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ; Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Cục KSTTHC, Văn phòng Chính phủ;
- Bộ KH&CN;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- VP UBND tỉnh: LĐVP, TTTT; | Bản ĐT
- Bureau điện tỉnh Cao Bằng;
- Lưu: VT, KSTT.



CHỦ TỊCH

Hoàng Xuân Ánh



DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH; THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG; THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BỎ THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TỈNH CAO BẰNG
Kèm theo Quyết định số 2159/QĐ-UBND ngày 24 tháng 12 năm 2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng

Phần I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH (22 thủ tục)

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
I	Lĩnh vực hoạt động Khoa học và Công nghệ (10 thủ tục)						
1	Xác nhận hàng hóa sử dụng trực tiếp cho phát triển hoạt động ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp khoa học và công nghệ	<p>- Văn bản trả lời tổ chức, cá nhân về đề nghị xác nhận hàng hóa sử dụng trực tiếp cho phát triển hoạt động ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp KH&CN: Trong thời hạn 08 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. Trong đó:</p> <p>+ Sở KH&CN tham mưu cho UBND tỉnh: 05 ngày;</p> <p>+ UBND tỉnh xem xét quyết định: 03 ngày.</p> <p>- Trường hợp cần thiết, Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức hội đồng để thẩm tra hồ sơ trước khi có văn bản trả lời. Thời gian thẩm tra và trả lời không quá 16 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. Trong đó:</p> <p>+ Sở KH&CN tham mưu cho UBND tỉnh: 10 ngày;</p> <p>+ UBND tỉnh xem xét quyết</p>	<p>Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Cao Bằng.</p> <p>Địa chỉ: 70, Vườn Cam, phường Hợp Giang, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng</p>	<p>- Tiếp nhận, trả kết quả giải quyết qua dịch vụ bưu chính công ích</p> <p>- Thực hiện qua dịch vụ công trực tuyến mức độ 3</p>	Không	<p>- Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu ngày 06 tháng 4 năm 2016;</p> <p>- Nghị định số 134/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu.</p> <p>- Quyết định số 30/2018/QĐ-TTg ngày 31 tháng 7 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ quy định trình tự, thủ tục xác nhận hàng hóa sử dụng trực tiếp cho phát triển hoạt động ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp KH&CN, đổi mới công nghệ; phương</p>	<p>- Văn bản trả lời tổ chức, cá nhân về đề nghị xác nhận hàng hóa sử dụng trực tiếp cho phát triển hoạt động ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp KH&CN: đã giảm từ 10 ngày xuống 08 ngày</p> <p>- Trường hợp cần thiết, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức hội đồng để thẩm tra hồ sơ trước khi có văn bản trả lời. Thời gian thẩm tra và trả lời đã giảm từ 20 ngày</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
		định: 06 ngày.				tiện vận tải chuyên dùng trong dây chuyền công nghệ sử dụng trực tiếp cho hoạt động sản xuất của dự án đầu tư. - Thông tư số 14/2017/TT-BKHCN ngày 01/12/2017 của Bộ trưởng Bộ KH&CN quy định tiêu chí xác định phương tiện vận tải, máy móc, thiết bị, phụ tùng, vật tư chuyên dùng và danh mục tài liệu, sách báo, tạp chí khoa học quy định tại khoản 2 điều 40 Nghị định số 134/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thuế xuất khẩu, Thuế nhập khẩu.	xuống 16 ngày
2	Công nhận kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ do tổ chức, cá nhân tự đầu tư nghiên cứu	- Gửi thông báo cho tổ chức, cá nhân về kết quả xem xét hồ sơ và yêu cầu sửa đổi, bổ sung (nếu có): 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ; - Thực hiện việc đánh giá hồ sơ thông qua hội đồng đánh	Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Cao Bằng. Địa chỉ: 70, Vườn Cam, phường Hợp Giang, thành	- Tiếp nhận, trả kết quả giải quyết qua dịch vụ bưu chính công ích - Thực hiện qua dịch vụ	Không	- Luật Chuyển giao công nghệ số 07/2017/QH14 ngày 19/6/2017; - Nghị định số 76/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính	Đã giảm từ 25 ngày xuống 20 ngày

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
		giá: 15 ngày làm việc. Trong đó: + Sở KH&CN tham mưu thành lập Hội đồng đánh giá: 05 ngày. + UBND tỉnh xem xét, quyết định thành lập Hội đồng đánh giá: 03 ngày. + Sở KH&CN tham mưu tổ chức Hội đồng đánh giá: 07 ngày. - Công nhận kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ do tổ chức, cá nhân tự đầu tư nghiên cứu: 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được kết quả đánh giá hồ sơ của hội đồng.	phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng	công trực tuyến mức độ 3		phủ.	
3	Mua sáng chế, sáng kiến	- Gửi thông báo cho tổ chức, cá nhân về kết quả xem xét hồ sơ và yêu cầu sửa đổi, bổ sung (nếu có): 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ; - Cơ quan có thẩm quyền thực hiện việc đánh giá hồ sơ thông qua hội đồng đánh giá: 15 ngày làm việc. Trong đó: + Sở KH&CN tham mưu	Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Cao Bằng. Địa chỉ: 70, Vườn Cam, phường Hợp Giang, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng	- Tiếp nhận, trả kết quả giải quyết qua dịch vụ bưu chính công ích - Thực hiện qua dịch vụ công trực tuyến mức độ 3	Không	- Luật Chuyển giao công nghệ số 07/2017/QH14 ngày 19/6/2017; - Nghị định số 76/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ.	Đã giảm từ 25 ngày xuống 20 ngày

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
		<p>thành lập Hội đồng đánh giá: 05 ngày.</p> <p>+ UBND tỉnh xem xét, quyết định thành lập Hội đồng đánh giá: 03 ngày.</p> <p>+ Sở KH&CN tham mưu tổ chức Hội đồng đánh giá: 07 ngày.</p> <p>- Phê duyệt sáng chế, sáng kiến để xem xét mua: 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được kết quả đánh giá hồ sơ của hội đồng.</p>					
4	Hỗ trợ kinh phí, mua kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ do tổ chức, cá nhân tự đầu tư nghiên cứu	<p>- Gửi thông báo cho tổ chức, cá nhân về kết quả xem xét hồ sơ và yêu cầu sửa đổi, bổ sung (nếu có): 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ;</p> <p>- Thực hiện việc đánh giá hồ sơ thông qua hội đồng đánh giá: 15 ngày làm việc.</p> <p>Trong đó:</p> <p>+ Sở KH&CN tham mưu thành lập Hội đồng đánh giá: 05 ngày.</p> <p>+ UBND tỉnh xem xét, quyết định thành lập Hội đồng đánh giá: 03 ngày.</p> <p>+ Sở KH&CN tham mưu tổ</p>	<p>Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Cao Bằng.</p> <p>Địa chỉ: 70, Vườn Cam, phường Hợp Giang, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng</p>	<p>- Tiếp nhận, trả kết quả giải quyết qua dịch vụ bưu chính công ích</p> <p>- Thực hiện qua dịch vụ công trực tuyến mức độ 3</p>	Không	<p>- Luật Chuyển giao công nghệ số 07/2017/QH14 ngày 19/6/2017;</p> <p>- Nghị định số 76/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ.</p>	Đã giảm từ 25 ngày xuống 20 ngày

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
		chức Hội đồng đánh giá: 07 ngày. - Phê duyệt kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ để xem xét hỗ trợ kinh phí, mua: 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được kết quả đánh giá hồ sơ của hội đồng.					
5	Hỗ trợ phát triển tổ chức trung gian của thị trường khoa học và công nghệ	- Sở KH&CN tham mưu trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, thành lập Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ KH&CN. Sau khi có kết quả làm việc của Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ, Sở KH&CN sẽ trình UBND tỉnh xem xét, phê duyệt danh mục nhiệm vụ KH&CN, cụ thể: - Phê duyệt danh mục nhiệm vụ KH&CN được hỗ trợ: Trong thời hạn 06 ngày làm việc kể từ khi có kết quả làm việc của hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ. - Công bố công khai nhiệm vụ KH&CN trên cổng thông tin điện tử của địa phương quản lý: Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày phê duyệt danh mục nhiệm vụ khoa học và công nghệ được hỗ trợ.	Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Cao Bằng. Địa chỉ: 70, Vườn Cam, phường Hợp Giang, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng	- Tiếp nhận, trả kết quả giải quyết qua dịch vụ bưu chính công ích - Thực hiện qua dịch vụ công trực tuyến mức độ 3	Không	- Luật KH&CN số 29/2013/QH13 ngày 18/6/2013; - Luật Chuyển giao công nghệ số 07/2017/QH14 ngày 19/6/2017; - Nghị định số 76/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ; - Thông tư số 07/2014/TT-BKH&CN ngày 26/5/2014 của Bộ trưởng Bộ KH&CN.	Đã giảm từ 12 ngày xuống 09 ngày

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
6	Hỗ trợ doanh nghiệp có dự án thuộc ngành, nghề ưu đãi đầu tư, địa bàn ưu đãi đầu tư nhận chuyển giao công nghệ từ tổ chức khoa học và công nghệ	<ul style="list-style-type: none"> Sở KH&CN tham mưu trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, thành lập Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ KH&CN. Sau khi có kết quả làm việc của Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ, Sở KH&CN sẽ trình UBND tỉnh xem xét, phê duyệt danh mục nhiệm vụ KH&CN, cụ thể: Phê duyệt nhiệm vụ KH&CN được hỗ trợ: Trong thời hạn 06 ngày làm việc kể từ khi có kết quả làm việc của hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ. Công bố công khai nhiệm vụ KH&CN trên cổng thông tin điện tử của địa phương quản lý: Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày phê duyệt nhiệm vụ KH&CN được hỗ trợ. 	Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Cao Bằng. Địa chỉ: 70, Vườn Cam, phường Hợp Giang, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng	<ul style="list-style-type: none"> Tiếp nhận, trả kết quả giải quyết qua dịch vụ bưu chính công ích Thực hiện qua dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 	Không	<ul style="list-style-type: none"> Luật KH&CN số 29/2013/QH13 ngày 18/6/2013; Luật Chuyển giao công nghệ số 07/2017/QH14 ngày 19/6/2017; Nghị định số 76/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ; Thông tư số 07/2014/TT-BKHCN ngày 26/5/2014 của Bộ trưởng Bộ KH&CN. 	Đã giảm từ 12 ngày xuống 09 ngày
7	Hỗ trợ doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân thực hiện giải mã công nghệ	<ul style="list-style-type: none"> Sở KH&CN tham mưu trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, thành lập Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ KH&CN. Sau khi có kết quả làm việc của Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ, Sở KH&CN sẽ 	Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Cao Bằng. Địa chỉ: 70, Vườn Cam, phường Hợp	<ul style="list-style-type: none"> Tiếp nhận, trả kết quả giải quyết qua dịch vụ bưu chính công ích Thực hiện qua dịch vụ 	Không	<ul style="list-style-type: none"> Luật KH&CN số 29/2013/QH13 ngày 18/6/2013; Luật Chuyển giao công nghệ số 07/2017/QH14 ngày 	Đã giảm từ 12 ngày xuống 09 ngày

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
		trình UBND tỉnh xem xét, phê duyệt danh mục nhiệm vụ KH&CN, cụ thể: - Phê duyệt nhiệm vụ khoa học và công nghệ được hỗ trợ: Trong thời hạn 06 ngày làm việc kể từ khi có kết quả làm việc của hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ. - Công bố công khai nhiệm vụ khoa học và công nghệ trên cổng thông tin điện tử của địa phương quản lý: Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày phê duyệt nhiệm vụ khoa học và công nghệ được hỗ trợ.	Giang, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng	công trực tuyến mức độ 3		19/6/2017; - Nghị định số 76/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ; - Thông tư số 07/2014/TT-BKHCN ngày 26/5/2014 của Bộ trưởng Bộ KH&CN.	
8	Hỗ trợ tổ chức khoa học và công nghệ có hoạt động liên kết với tổ chức ứng dụng, chuyển giao công nghệ địa phương để hoàn thiện kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ	- Sở KH&CN tham mưu trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, thành lập Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ KH&CN. Sau khi có kết quả làm việc của Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ, Sở KH&CN sẽ trình UBND tỉnh xem xét, phê duyệt danh mục nhiệm vụ KH&CN, cụ thể: - Phê duyệt nhiệm vụ KH&CN được hỗ trợ: Trong thời hạn 06 ngày làm việc kể từ khi có kết quả làm việc của	Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Cao Bằng. Địa chỉ: 70, Vườn Cam, phường Hợp Giang, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng	- Tiếp nhận, trả kết quả giải quyết qua dịch vụ bưu chính công ích - Thực hiện qua dịch vụ công trực tuyến mức độ 3	Không	- Luật KH&CN số 29/2013/QH13 ngày 18/6/2013; - Luật Chuyển giao công nghệ số 07/2017/QH14 ngày 19/6/2017; - Nghị định 76/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ; - Thông tư số 07/2014/TT-BKHCN	Đã giảm từ 12 ngày xuống 09 ngày

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
		<p>hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ.</p> <p>- Công bố công khai nhiệm vụ KH&CN trên cổng thông tin điện tử của địa phương quản lý: Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày phê duyệt nhiệm vụ KH&CN được hỗ trợ.</p>				<p>ngày 26/5/2014 của Bộ trưởng Bộ KH&CN;</p> <p>- Thông tư số 33/2014/TT-BKH&CN ngày 06/11/2014 của Bộ trưởng Bộ KH&CN.</p>	
9	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký chuyển giao công nghệ (trừ những trường hợp thuộc thẩm quyền của Bộ Khoa học và Công nghệ)	04 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ theo quy định.	Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Cao Bằng. Địa chỉ: 70, Vườn Cam, phường Hợp Giang, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng	<p>- Tiếp nhận, trả kết quả giải quyết qua dịch vụ bưu chính công ích</p> <p>- Thực hiện qua dịch vụ công trực tuyến mức độ 3</p>	<p>Đối với các hợp đồng chuyển giao công nghệ đăng ký lần đầu thì phí thẩm định hợp đồng chuyển giao công nghệ được tính theo tỷ lệ bằng 0,1% (một phần nghìn) tổng giá trị của hợp đồng chuyển giao công nghệ nhưng tối đa không quá 10 (mười) triệu đồng và tối thiểu không dưới 05 (năm) triệu đồng.</p>	<p>- Luật Chuyển giao công nghệ số 07/2017/QH14 ngày 19/6/2017;</p> <p>- Nghị định số 76/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ;</p> <p>- Thông tư số 169/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.</p>	Đã giảm từ 05 ngày xuống 04 ngày
10	Cấp Giấy chứng nhận	04 ngày làm việc kể từ ngày	Sở Khoa học	- Tiếp nhận, trả	Đối với các	- Luật Chuyển giao	Đã giảm từ 05

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
	đăng ký gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung chuyển giao công nghệ (trừ những trường hợp thuộc thẩm quyền của Bộ Khoa học và Công nghệ)	nhận được hồ sơ đầy đủ theo quy định	và Công nghệ tỉnh Cao Bằng. Địa chỉ: 70, Vườn Cam, phường Hợp Giang, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng	kết quả giải quyết qua dịch vụ bưu chính công ích - Thực hiện qua dịch vụ công trực tuyến mức độ 3	hợp đồng chuyển giao công nghệ đề nghị đăng ký sửa đổi, bổ sung thì phí thẩm định hợp đồng chuyển giao công nghệ tính theo tỷ lệ bằng 0,1% (một phần nghìn) tổng giá trị của hợp đồng sửa đổi, bổ sung nhưng tối đa không quá 05 (năm) triệu đồng và tối thiểu không dưới 03 (ba) triệu đồng.	công nghệ số ngày 07/2017/QH14 ngày 19/6/2017; - Nghị định số 76/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ; - Thông tư số 02/2018/TT-BKHCN ngày 15/5/2018 của Bộ trưởng Bộ KH&CN; - Thông tư số 169/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.	ngày xuống 04 ngày
II Lĩnh vực Sở hữu trí tuệ (04 thủ tục)							
1	Tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức chủ trì dự án thuộc Chương trình phát triển tài sản trí tuệ giai đoạn 2016-2020 (đối với dự án địa phương quản lý)	- Trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh thành lập tổ chức hợp hội đồng tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức chủ trì thực hiện dự án: Trong thời hạn 12 ngày làm việc kể từ ngày lập Biên bản mở hồ sơ; - Trình Chủ tịch Ủy ban nhân	Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Cao Bằng. Địa chỉ: 70, Vườn Cam, phường Hợp Giang, thành phố Cao Bằng,	- Tiếp nhận, trả kết quả giải quyết qua dịch vụ bưu chính công ích - Thực hiện qua dịch vụ công trực	Không	- Luật KH&CN ngày 18 tháng 6 năm 2013; - Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27/01/2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật	Đã cắt giảm thời hạn giải quyết từ 32 ngày xuống 25 ngày

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
		<p>dân tỉnh thành lập và tổ chức họp Tổ thẩm định dự toán kinh phí dự án: Trong thời hạn 06 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đã được hiệu chỉnh;</p> <p>- Trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, phê duyệt kết quả tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức chủ trì dự án địa phương quản lý: Trong thời hạn 04 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đã được hoàn thiện theo kết luận của Tổ thẩm định;</p> <p>- Công bố kết quả tuyển chọn, giao trực tiếp dự án: Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt.</p>	tỉnh Cao Bằng	tuyển mức độ 3		<p>KH&CN;</p> <p>- Quyết định số 1062/QĐ-TTg ngày 14/6/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình phát triển tài sản trí tuệ giai đoạn 2016-2020;</p> <p>- Thông tư số 17/2017/TT-BKHCN ngày 29/12/2017 của Bộ trưởng Bộ KH&CN quy định về quản lý Chương trình phát triển tài sản trí tuệ giai đoạn 2016-2020;</p> <p>- Thông tư số 08/2017/TT-BKHCN ngày 26/6/2017 của Bộ trưởng KH&CN quy định về tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức và cá nhân thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước.</p>	
2	Thay đổi, điều chỉnh trong quá trình thực hiện dự án thuộc Chương trình phát triển tài sản trí tuệ giai đoạn 2016 - 2020 (đối với dự án địa	- Thay đổi thời gian thực hiện dự án: Trong thời hạn 12 ngày kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của tổ chức chủ trì dự án;	Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Cao Bằng. Địa chỉ: 70, Vườn Cam,	- Tiếp nhận, trả kết quả giải quyết qua dịch vụ bưu chính công ích	Không	<p>- Luật KH&CN ngày 18 tháng 6 năm 2013;</p> <p>- Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27/01/2014 của Chính</p>	- Đã cắt giảm thời hạn giải quyết từ 15 ngày xuống 12 ngày (đối với trường hợp thay đổi thời gian thực

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
	phương quản lý)	<p>+ Sở KH&CN tiếp nhận, thẩm định hồ sơ đề nghị thay đổi thời gian thực hiện: 08 ngày;</p> <p>+ UBND tỉnh xem xét và ban hành Quyết định: 04 ngày.</p> <p>- Các thay đổi, điều chỉnh khác: Trong thời hạn 24 ngày kể từ thời điểm nhận được hồ sơ hợp lệ.</p> <p>+ Sở KH&CN tiếp nhận, thẩm định hồ sơ đề nghị thay đổi thời gian thực hiện: 17 ngày;</p> <p>+ UBND tỉnh xem xét và ban hành Quyết định: 07 ngày.</p>	phường Hợp Giang, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng	- Thực hiện qua dịch vụ công trực tuyến mức độ 3		<p>phủ;</p> <p>- Quyết định số 1062/QĐ-TTg ngày 14 tháng 6 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ;</p> <p>- Thông tư số 04/2015/TT-BKH&CN ngày 03/11/2015 của Bộ trưởng Bộ KH&CN quy định việc kiểm tra, đánh giá, điều chỉnh và chấm dứt hợp đồng trong quá trình thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước;</p> <p>- Thông tư số 17/2017/TT-BKH&CN ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ KH&CN.</p>	hiện dự án). - Đã cắt giảm thời hạn giải quyết từ 30 ngày xuống 24 ngày (đối với trường hợp thay đổi, điều chỉnh khác)).
3	Đề nghị chấm dứt hợp đồng trong quá trình thực hiện dự án thuộc Chương trình phát triển tài sản trí tuệ giai đoạn 2016-2020 (đối với dự án địa phương quản lý)	<p>- Thông báo tạm dừng thực hiện nhiệm vụ: trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ thời điểm nhận được hồ sơ đề nghị chấm dứt hợp đồng hợp lệ.</p> <p>- Xem xét, ban hành Quyết định chấm dứt hợp đồng thực hiện dự án: sau khi tổ chức kiểm tra, đánh giá hồ sơ và</p>	Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Cao Bằng. Địa chỉ: 70, Vườn Cam, phường Hợp Giang, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng	<p>- Tiếp nhận, trả kết quả giải quyết qua dịch vụ bưu chính công ích</p> <p>- Thực hiện qua dịch vụ công trực tuyến mức độ</p>	Không	<p>- Luật KH&CN ngày 18/6/2013;</p> <p>- Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27/01/2014 của Chính phủ;</p> <p>- Quyết định số 1062/QĐ-TTg ngày 14/6/2016 của Thủ tướng Chính phủ;</p>	Đã cắt giảm thời hạn giải quyết từ 07 ngày xuống 05 ngày (đối với việc thông báo tạm dừng thực hiện nhiệm vụ)

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
		hiện trường. Trường hợp cần thiết phải tổ chức lấy ý kiến tư vấn của các nhà khoa học, chuyên gia quản lý.		3		<ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 04/2015/TT-BKH&CN ngày 03/11/2015 của Bộ trưởng Bộ KH&CN; - Thông tư số 17/2017/TT-BKH&CN ngày 29/12/2017 của Bộ trưởng Bộ KH&CN. 	
4	Đánh giá, nghiệm thu và công nhận kết quả thực hiện dự án thuộc Chương trình phát triển tài sản trí tuệ giai đoạn 2016-2020 (đối với dự án địa phương quản lý)	<ul style="list-style-type: none"> - Thông báo cho tổ chức chủ trì tính hợp lệ của hồ sơ: Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ; - Tổ chức chủ trì dự án bổ sung hồ sơ trong trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ theo quy định: Trong thời hạn 04 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo của Sở KH&CN; - Thành lập hội đồng: Trong thời hạn 12 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện dự án hợp lệ; + Sở KH&CN tham mưu cho UBND tỉnh thành lập Hội đồng: 08 ngày; + UBND tỉnh xem xét, quyết định thành lập hội đồng: 04 	Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Cao Bằng. Địa chỉ: 70, Vườn Cam, phường Hợp Giang, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng	<ul style="list-style-type: none"> - Tiếp nhận, trả kết quả giải quyết qua dịch vụ bưu chính công ích - Thực hiện qua dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Luật KH&CN ngày 18/6/2013; - Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27/01/2014 của Chính phủ; - Quyết định số 1062/QĐ-TTg ngày 14/6/2016 của Thủ tướng Chính phủ; - Thông tư số 11/2014/TT-BKH&CN ngày 30/5/2014 của Bộ trưởng Bộ KH&CN; - Thông tư liên tịch số 27/2015/TTLT-BKH&CN-BTC ngày 30/12/2015 của Bộ trưởng Bộ KH&CN và Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định khoản chi 	Đã cắt giảm thời hạn giải quyết từ 58 ngày xuống 46 ngày

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
		<p>ngày.</p> <p>- Tổ chức họp hội đồng: Trong thời hạn 22 ngày kể từ ngày có Quyết định thành lập hội đồng;</p> <p>- Trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, ban hành quyết định công nhận kết quả thực hiện dự án: Trong thời hạn 06 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận đủ các tài liệu công nhận kết quả thực hiện dự án.</p>				<p>thực hiện nhiệm vụ KH&CN sử dụng ngân sách nhà nước;</p> <p>- Thông tư số 17/2017/TT-BKH&CN ngày 29/12/2017 của Bộ trưởng Bộ KH&CN.</p>	
III. Lĩnh vực Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng (08 thủ tục)							
1	Chỉ định tổ chức đánh giá sự phù hợp hoạt động thử nghiệm, giám định, kiểm định, chứng nhận	<p>- Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đăng ký: Cơ quan chỉ định thông báo yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ.</p> <p>- Trong thời hạn 16 ngày kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ: Cơ quan chỉ định đánh giá năng lực thực tế tại tổ chức đánh giá sự phù hợp và ký biên bản đánh giá thực tế.</p> <p>- Trong thời hạn 04 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo kết quả hành động khắc phục theo biên bản đánh giá thực tế: Cơ quan chỉ định ban</p>	<p>Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Cao Bằng.</p> <p>Địa chỉ: 70, Vườn Cam, phường Hợp Giang, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng</p>	<p>- Tiếp nhận, trả kết quả giải quyết qua dịch vụ bưu chính công ích</p> <p>- Thực hiện qua dịch vụ công trực tuyến mức độ 3</p>	Không	<p>- Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa số ngày 21/11/2007;</p> <p>- Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31/12/2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa.</p> <p>- Nghị định số 74/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số</p>	<p>Đã cắt giảm thời gian giải quyết từ 28 ngày xuống 22 ngày</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
		hành quyết định chỉ định Trong trường hợp từ chối việc chỉ định, Cơ quan chỉ định phải thông báo lý do bằng văn bản cho tổ chức đánh giá sự phù hợp.				132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hoá.	
2	Thay đổi, bổ sung phạm vi, lĩnh vực đánh giá sự phù hợp được chỉ định	<p>- Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đăng ký: Cơ quan chỉ định thông báo bằng văn bản yêu cầu tổ chức đánh giá sự phù hợp sửa đổi, bổ sung hồ sơ;</p> <p>- Trong thời hạn 16 ngày kể từ khi nhận được hồ sơ đăng ký đầy đủ: Cơ quan chỉ định đánh giá năng lực thực tế tại tổ chức đánh giá sự phù hợp và ký biên bản đánh giá thực tế.</p> <p>- Trong thời hạn 04 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo kết quả hành động khắc phục theo biên bản đánh giá thực tế: Cơ quan chỉ định ban hành quyết định chỉ định</p> <p>Trong trường hợp từ chối việc chỉ định, Cơ quan chỉ định phải thông báo lý do bằng văn bản cho tổ chức đánh giá sự phù hợp.</p>	Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Cao Bằng. Địa chỉ: 70, Vườn Cam, phường Hợp Giang, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng	<p>- Tiếp nhận, trả kết quả giải quyết qua dịch vụ bưu chính công ích</p> <p>- Thực hiện qua dịch vụ công trực tuyến mức độ 3</p>	Không	<p>- Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa_ ngày 21/11/2007.</p> <p>- Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31/12/2008 của Chính phủ;</p> <p>- Nghị định số 74/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ.</p>	Đã cắt giảm thời gian giải quyết từ 28 ngày xuống 22 ngày
3	Cấp lại Quyết định chỉ định tổ chức đánh giá sự	Trong thời hạn 04 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ	Sở Khoa học và Công nghệ	- Tiếp nhận, trả kết quả giải	Không	- Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa_ ngày	Đã cắt giảm thời gian giải quyết

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
	phù hợp	đầy đủ và hợp lệ, Cơ quan chỉ định xem xét, cấp lại quyết định chỉ định. Trường hợp không đáp ứng yêu cầu, cơ quan chỉ định có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.	tỉnh Cao Bằng. Địa chỉ: 70, Vườn Cam, phường Hợp Giang, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng	quyết qua dịch vụ bưu chính công ích - Thực hiện qua dịch vụ công trực tuyến mức độ 3		21/11/2007. - Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31/12/2008 của Chính phủ. - Nghị định số 74/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ.	từ 05 ngày xuống 04 ngày
4	Đăng ký tham dự sơ tuyển xét tặng Giải thưởng chất lượng quốc gia	Hàng năm	Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Cao Bằng. Địa chỉ: 70, Vườn Cam, phường Hợp Giang, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng	- Tiếp nhận, trả kết quả giải quyết qua dịch vụ bưu chính công ích - Thực hiện qua dịch vụ công trực tuyến mức độ 3	Không	- Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa ngày 21/11/2007. - Nghị định 132/2008/NĐ-CP ngày 31/12/2008 của Chính phủ. - Nghị định số 74/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ.	
5	Kiểm tra nhà nước về chất lượng sản phẩm, hàng hóa hàng hóa nhóm 2 nhập khẩu	(1) Đối với hàng hóa nhóm 2 nhập khẩu, tại quy chuẩn kỹ thuật quốc gia quy định biện pháp công bố hợp quy theo kết quả tự đánh giá sự phù hợp của tổ chức, cá nhân; theo kết quả chứng nhận, giám định của tổ chức chứng nhận, tổ chức giám định đã đăng ký hoặc được thừa nhận theo quy định của pháp luật	Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Cao Bằng. Địa chỉ: 70, Vườn Cam, phường Hợp Giang, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng	- Tiếp nhận, trả kết quả giải quyết qua dịch vụ bưu chính công ích - Thực hiện qua dịch vụ công trực tuyến mức độ 3	Không	- Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa ngày 21/11/2007. - Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31/12/2008 của Chính phủ. - Nghị định số 74/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ.	

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
		<p>- Xác nhận người nhập khẩu đã đăng ký kiểm tra chất lượng hàng hóa nhập khẩu. Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đăng ký kiểm tra chất lượng hàng hóa nhập khẩu.</p> <p>(2) Đối với hàng hóa nhóm 2 nhập khẩu, tại quy chuẩn kỹ thuật quốc gia quy định biện pháp công bố hợp quy theo kết quả chứng nhận, giám định của tổ chức chứng nhận, tổ chức giám định được chỉ định theo quy định của pháp luật</p> <p>- Thông báo kết quả kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng hóa nhập khẩu đáp ứng yêu cầu chất lượng; Thông báo kết quả kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng hóa nhập khẩu không đáp ứng yêu cầu chất lượng. Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ đăng ký kiểm tra chất lượng đầy đủ và hợp lệ.</p> <p>Trường hợp người nhập khẩu không hoàn thiện đầy đủ hồ sơ trong thời hạn quy định, nội dung Thông báo kết quả kiểm tra nhà nước về chất lượng</p>				<p>phủ.</p> <p>- Nghị định số 43/2017/NĐ-CP ngày 14/4/2017 của Chính phủ về nhãn hàng hóa.</p>	

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
		hàng hóa nhập khẩu nêu rõ "Lô hàng không hoàn thiện đầy đủ hồ sơ". Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ khi hết thời hạn bổ sung hồ sơ.					
6	Công bố sử dụng dấu định lượng	<ul style="list-style-type: none"> - Thời hạn kiểm tra và trả lời về tính đầy đủ và hợp lệ của hồ sơ: 02 ngày làm việc. - Thời hạn bổ sung hồ sơ: 24 ngày - Thời hạn giải quyết sau khi hồ sơ hợp lệ, đầy đủ: 03 ngày làm việc. 	<p>Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Cao Bằng.</p> <p>Địa chỉ: 70, Vườn Cam, phường Hợp Giang, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Tiếp nhận, trả kết quả giải quyết qua dịch vụ bưu chính công ích - Thực hiện qua dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Đo lường ngày 11/11/2011 - Nghị định 86/2012/NĐ-CP ngày 19/10/2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đo lường; - Nghị định 89/2006/NĐ-CP ngày 30/8/2006 của Chính phủ; - Thông tư số 21/2014/TT-BKHCN ngày 15/7/2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về đo lường đối với lượng của hàng hóa đóng gói sẵn. 	<ul style="list-style-type: none"> - Thời hạn kiểm tra và trả lời về tính đầy đủ và hợp lệ của hồ sơ: cắt giảm từ 03 ngày xuống 02 ngày. - Thời hạn bổ sung hồ sơ: cắt giảm từ 30 ngày xuống 24 ngày. - Thời hạn giải quyết sau khi hồ sơ hợp lệ, đầy đủ: cắt giảm từ 05 ngày xuống 03 ngày.
7	Điều chỉnh nội dung bản công bố sử dụng dấu định lượng	<ul style="list-style-type: none"> - Thời hạn kiểm tra và trả lời về tính đầy đủ và hợp lệ của hồ sơ: 02 ngày làm việc. - Thời hạn bổ sung hồ sơ: 24 ngày - Thời hạn hủy bỏ xử lý hồ sơ sau khi tổ chức đề nghị không 	<p>Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Cao Bằng.</p> <p>Địa chỉ: 70, Vườn Cam, phường Hợp Giang, thành</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Tiếp nhận, trả kết quả giải quyết qua dịch vụ bưu chính công ích - Thực hiện qua dịch vụ 	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Đo lường ngày 11/11/2011; - Nghị định 86/2012/NĐ-CP ngày 19/10/2012 của Chính phủ; - Nghị định 	<ul style="list-style-type: none"> - Thời hạn kiểm tra và trả lời về tính đầy đủ và hợp lệ của hồ sơ: cắt giảm từ 03 ngày xuống 02 ngày.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
		<p>bổ sung hồ sơ đầy đủ theo quy định kể từ ngày thông báo: 24 ngày</p> <p>- Thời hạn giải quyết sau khi hồ sơ hợp lệ, đầy đủ: 03 ngày làm việc.</p>	phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng	công trực tuyến mức độ 3		<p>89/2006/NĐ-CP ngày 30/8/2006 của Chính phủ;</p> <p>- Thông tư số 21/2014/TT-BKHCN ngày 15/7/2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ.</p>	<p>- Thời hạn bổ sung hồ sơ: cắt giảm từ 30 ngày xuống 24 ngày.</p> <p>- Thời hạn hủy bỏ xử lý hồ sơ sau khi tổ chức đề nghị không bổ sung hồ sơ đầy đủ theo quy định kể từ ngày thông báo: cắt giảm từ 30 ngày xuống 24 ngày.</p> <p>- Thời hạn giải quyết sau khi hồ sơ hợp lệ, đầy đủ: cắt giảm từ 05 ngày xuống 03 ngày.</p>
8	Cấp Giấy xác nhận đăng ký hoạt động xét tặng giải thưởng chất lượng sản phẩm, hàng hoá của tổ chức, cá nhân	<p>- Trong thời hạn 12 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ, Sở KH&CN tiến hành thẩm xét hồ sơ, nếu đáp ứng điều kiện quy định, đơn vị tổ chức xét thưởng được cấp Giấy xác nhận.</p> <p>- Trường hợp hồ sơ không đáp ứng yêu cầu quy định đề được cấp Giấy xác nhận, đơn</p>	<p>Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Cao Bằng.</p> <p>Địa chỉ: 70, Vườn Cam, phường Hợp Giang, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng</p>	<p>- Tiếp nhận, trả kết quả giải quyết qua dịch vụ bưu chính công ích</p> <p>- Thực hiện qua dịch vụ công trực tuyến mức độ 3</p>	Không	<p>- Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hoá ngày 21/11/2007.</p> <p>- Luật Thi đua, Khen thưởng ngày 26/11/2003 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng ngày 14/6/2005.</p> <p>- Quyết định số</p>	<p>Đã cắt giảm từ 15 ngày xuống 12 ngày.</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
		vị tổ chức xét thưởng sẽ được thông báo lý do bằng văn bản.				51/2010/QĐ-TTg ngày 28/7/2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế quản lý tổ chức xét tôn vinh danh hiệu và trao giải thưởng cho doanh nhân và doanh nghiệp. - Thông tư số 06/2009/TT-BKHCN ngày 03/4/2009 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn về điều kiện, thủ tục xét tặng giải thưởng chất lượng sản phẩm, hàng hoá của tổ chức, cá nhân.	

Phần II. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG (03 thủ tục)

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
I. Lĩnh vực tiêu chuẩn đo lường chất lượng (03 TTHC)							
1	Cấp mới giấy phép vận chuyển hàng nguy hiểm là các chất ôxy hóa, các hợp chất ô xít hữu cơ (thuộc loại 5) và các chất ăn mòn (thuộc loại 8)	- Trong thời hạn 04 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ của tổ chức, cá nhân, Sở KH&CN tiến hành thẩm xét hồ sơ: + Trường hợp hồ sơ không đáp ứng	Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Cao Bằng. Địa chỉ: 70,	- Tiếp nhận, trả kết quả giải quyết qua dịch vụ bưu chính công ích	Theo quy định hiện hành của pháp luật về phí, lệ phí.	- Luật Hóa chất ngày 21 tháng 11 năm 2007; - Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa ngày 21 tháng 11 năm 2007; - Nghị định số	- Cắt giảm thời gian thẩm định hồ sơ kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ của tổ chức cá nhân từ

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
	bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ, đường sắt và đường thủy nội địa	<p>yêu cầu quy định, Sở KH&CN thông báo bằng thư điện tử (email) hoặc bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân đề nghị bổ sung hồ sơ theo quy định. Sau 30 ngày kể từ ngày có thông báo yêu cầu tổ chức, cá nhân bổ sung hồ sơ nhưng không nhận được văn bản giải trình lý do không bổ sung được hồ sơ theo quy định, Sở KH&CN có văn bản thông báo từ chối cấp Giấy phép vận chuyển hàng nguy hiểm và nêu rõ lý do.</p> <p>+ Trường hợp hồ sơ hợp lệ, Sở KH&CN cấp Giấy phép vận chuyển hàng nguy hiểm cho tổ chức, cá nhân.</p> <p>+ Trường hợp phải thẩm định thực tế:</p> <p>Trường hợp tổ chức, cá nhân không phải thực hiện hành động khắc phục để hoàn thiện hồ sơ, trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày có Biên bản thẩm định thực tế, Sở KH&CN cấp Giấy phép vận chuyển hàng nguy hiểm cho tổ chức, cá nhân.</p> <p>Trường hợp tổ chức, cá nhân phải thực hiện hành động khắc phục để hoàn thiện hồ sơ cấp Giấy phép vận chuyển hàng nguy hiểm thì thời hạn</p>	Vườn Cam, phường Hợp Giang, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng	- Thực hiện qua dịch vụ công trực tuyến mức độ 3		<p>29/2005/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2005 của Chính phủ;</p> <p>- Nghị định số 108/2008/NĐ-CP ngày 07 tháng 10 năm 2008 của Chính phủ;</p> <p>- Nghị định số 104/2009/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2009 của Chính phủ;</p> <p>- Nghị định số 14/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ;</p> <p>- Thông tư số 09/2016/TT-BKHCN ngày 09/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ.</p> <p>- Thông tư số 09/2018/TT-BKHCN ngày 01/7/2018 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ.</p>	<p>05 ngày xuống 04 ngày;</p> <p>- Trường hợp hồ sơ không đáp ứng yêu cầu quy định; Trường hợp hồ sơ hợp lệ; Trường hợp phải thẩm định thực tế thực hiện theo thời gian do Bộ KH&CN quy định.</p> <p>- Nội dung sửa đổi, bổ sung:</p> <p>+ Thành phần, số lượng hồ sơ;</p> <p>+ Mẫu đơn, tờ khai</p> <p>+ Căn cứ pháp lý của TTHC</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
		khắc phục tối đa không quá 30 ngày làm việc kể từ ngày có Biên bản thẩm định thực tế. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày Sở KH&CN nhận được báo cáo bằng văn bản của tổ chức, cá nhân đề nghị cấp Giấy phép vận chuyển hàng nguy hiểm với nội dung đã hoàn thành hành động khắc phục, Sở KH&CN tổ chức thẩm định bổ sung kết quả hành động khắc phục. Trong thời hạn 02 (hai) ngày làm việc kể từ ngày có kết quả thẩm định bổ sung, Sở KH&CN có trách nhiệm cấp hoặc từ chối cấp Giấy phép vận chuyển hàng nguy hiểm cho tổ chức, cá nhân.					
2	Cấp bổ sung giấy phép vận chuyển hàng nguy hiểm là các chất ôxy hóa, các hợp chất ô xít hữu cơ (thuộc loại 5) và các chất ăn mòn (thuộc loại 8) bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ, đường sắt và đường thủy nội địa	- Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ của tổ chức, cá nhân, Sở KH&CN tiến hành thẩm định hồ sơ: + Trường hợp hồ sơ không đáp ứng yêu cầu quy định, Sở KH&CN thông báo bằng thư điện tử (email) hoặc bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân đề nghị bổ sung hồ sơ theo quy định. Sau 30 ngày kể từ ngày có thông báo yêu cầu tổ chức, cá nhân bổ sung hồ sơ nhưng không nhận được văn bản giải trình lý do không bổ sung được hồ sơ theo quy định,	Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Cao Bằng. Địa chỉ: 70, Vườn Cam, phường Hợp Giang, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng	- Tiếp nhận, trả kết quả giải quyết qua dịch vụ bưu chính công ích - Thực hiện qua dịch vụ công trực tuyến mức độ 3	Theo quy định hiện hành của pháp luật về phí, lệ phí.	- Luật Hóa chất ngày 21 tháng 11 năm 2007; - Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa ngày 21 tháng 11 năm 2007; - Nghị định số 29/2005/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2005 của Chính phủ; - Nghị định số 108/2008/NĐ-CP ngày 07 tháng 10 năm 2008 của Chính phủ; - Nghị định số	- Cắt giảm thời gian thẩm định hồ sơ kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ của tổ chức cá nhân từ 05 ngày xuống 03 ngày; - Trường hợp hồ sơ không đáp ứng yêu cầu quy định; Trường hợp hồ sơ hợp lệ; Trường hợp

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
		<p>Sở KH&CN có văn bản thông báo từ chối cấp bổ sung Giấy phép vận chuyển hàng nguy hiểm và nêu rõ lý do.</p> <p>+ Trường hợp hồ sơ hợp lệ, Sở KH&CN cấp bổ sung Giấy phép vận chuyển hàng nguy hiểm cho tổ chức, cá nhân.</p> <p>+ Trường hợp phải thẩm định thực tế:</p> <p>Trường hợp tổ chức, cá nhân không phải thực hiện hành động khắc phục để hoàn thiện hồ sơ, trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày có Biên bản thẩm định thực tế, Sở KH&CN cấp bổ sung Giấy phép vận chuyển hàng nguy hiểm cho tổ chức, cá nhân.</p> <p>Trường hợp tổ chức, cá nhân phải thực hiện hành động khắc phục để hoàn thiện hồ sơ cấp bổ sung Giấy phép vận chuyển hàng nguy hiểm thì thời hạn khắc phục tối đa không quá 30 ngày làm việc kể từ ngày có Biên bản thẩm định thực tế. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày Sở KH&CN nhận được báo cáo bằng văn bản của tổ chức, cá nhân đề nghị cấp bổ sung Giấy phép vận chuyển hàng nguy hiểm với nội dung đã hoàn thành hành động khắc phục, Sở KH&CN tổ chức thẩm</p>				<p>104/2009/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2009 của Chính phủ;</p> <p>- Nghị định số 14/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ;</p> <p>- Thông tư số 09/2016/TT-BKHCN ngày 09/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ;</p> <p>- Thông tư số 09/2018/TT-BKHCN ngày 01/7/2018 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ.</p>	<p>phải thẩm định thực tế thực hiện theo thời gian do Bộ KH&CN quy định.</p> <p>- Nội dung sửa đổi, bổ sung:</p> <p>+ Thành phần, số lượng hồ sơ</p> <p>+ Tên mẫu đơn, tờ khai</p> <p>+ Căn cứ pháp lý của TTHC</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
		định bổ sung kết quả hành động khắc phục. Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày có kết quả thẩm định bổ sung, Sở KH&CN có trách nhiệm cấp hoặc từ chối cấp bổ sung Giấy phép vận chuyển hàng nguy hiểm cho tổ chức, cá nhân					
3	Cấp lại giấy phép vận chuyển hàng nguy hiểm là các chất ôxy hóa, các hợp chất ô xít hữu cơ (thuộc loại 5) và các chất ăn mòn (thuộc loại 8) bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ, đường sắt và đường thủy nội địa	<p>- Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ của tổ chức, cá nhân, Sở KH&CN tiến hành thẩm xét hồ sơ:</p> <p>+ Trường hợp hồ sơ không đáp ứng yêu cầu quy định, Sở KH&CN thông báo bằng thư điện tử (email) hoặc bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân đề nghị bổ sung hồ sơ theo quy định. Sau 30 ngày kể từ ngày có thông báo yêu cầu tổ chức, cá nhân bổ sung hồ sơ nhưng không nhận được văn bản giải trình lý do không bổ sung được hồ sơ theo quy định, Sở KH&CN có văn bản thông báo từ chối cấp Giấy phép vận chuyển hàng nguy hiểm và nêu rõ lý do.</p> <p>+ Trường hợp hồ sơ hợp lệ, Sở KH&CN cấp lại Giấy phép vận chuyển hàng nguy hiểm cho tổ chức, cá nhân.</p>	Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Cao Bằng. Địa chỉ: 70, Vườn Cam, phường Hợp Giang, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng	<p>- Tiếp nhận, trả kết quả giải quyết qua dịch vụ bưu chính công ích</p> <p>- Thực hiện qua dịch vụ công trực tuyến mức độ 3</p>	Theo quy định hiện hành của pháp luật về phí, lệ phí.	<p>- Luật Hóa chất ngày 21 tháng 11 năm 2007;</p> <p>- Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa ngày 21 tháng 11 năm 2007;</p> <p>- Nghị định số 29/2005/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2005 của Chính phủ;</p> <p>- Nghị định số 108/2008/NĐ-CP ngày 07 tháng 10 năm 2008 của Chính phủ;</p> <p>- Nghị định số 104/2009/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2009 của Chính phủ;</p> <p>- Nghị định số 14/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ;</p>	<p>- Nội dung sửa đổi, bổ sung:</p> <p>+ Thành phần, số lượng hồ sơ</p> <p>+ Tên mẫu đơn, tờ khai</p> <p>+ Căn cứ pháp lý của TTHC</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						<ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 09/2016/TT-BKHCN ngày 09/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ. - Thông tư số 09/2018/TT-BKHCN ngày 01/7/2018 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ. 	

Phần III. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BÃI BỎ (05 thủ tục)

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định việc bãi bỏ thủ tục hành chính
I	Lĩnh vực hoạt động Khoa học và Công nghệ (03 thủ tục)		
1	BKHVCN-CBA-282514	Cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động Cơ sở ương tạo công nghệ, ương tạo doanh nghiệp khoa học và công nghệ	Thông tư số 16/2014/TT-BKHCN ngày 13/6/2014 của Bộ trưởng Bộ KH&CN quy định về điều kiện thành lập, hoạt động của tổ chức trung gian của thị trường KH&CN
2	BKHVCN-CBA-282453	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng chuyển giao công nghệ (trừ những trường hợp thuộc thẩm quyền của Bộ Khoa học và Công nghệ)	Nghị định số 76/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chuyển giao công nghệ;
3	BKHVCN-CBA-282454	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký sửa đổi, bổ sung hợp đồng chuyển giao công nghệ (trừ những trường hợp thuộc thẩm quyền của Bộ Khoa học và Công nghệ)	Nghị định số 76/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chuyển giao công nghệ;

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định việc bãi bỏ thủ tục hành chính
II Lĩnh vực Sở hữu trí tuệ (01 thủ tục)			
1	T-CBA-268726-TT	Đăng ký chủ trì thực hiện dự án do Trung ương ủy quyền cho địa phương quản lý thuộc Chương trình hỗ trợ phát triển tài sản trí tuệ	Thông tư số 17/2017/TT-BKHCN ngày 29/12/2017 của Bộ trưởng Bộ KH&CN quy định về quản lý Chương trình phát triển tài sản trí tuệ giai đoạn 2016-2020
III Lĩnh vực Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng (01 thủ tục)			
1	T-CBA-268920-TT	Xét tặng giải thưởng chất lượng quốc gia	Nghị định số 74/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31/12/2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa

Công bố: 30 TTHC

Trong đó:

- TTHC mới ban hành: 22 TTHC
- TTHC sửa đổi, bổ sung: 03 TTHC
- TTHC bị bãi bỏ: 05 TTHC